

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HN – PT

Ngày: 20/7/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cửa

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLPT - HN ngày 03 tháng 7 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 40/2018/HNGĐ – ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2018/QĐ – PT ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Tế Thị Hồng N*, sinh năm 1986, (có mặt)

Địa chỉ cư trú: đường L, khu phố P, phường L, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: *Trần Văn P*, sinh năm 1977, (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Bị đơn *Trần Văn P*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, chị Tế Thị Hồng N và anh Trần Văn P thống nhất điều kiện tiến tới hôn nhân, anh chị tự nguyện tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M vào năm 2005. Vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nay anh chị tự nguyện ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 19/5/2006; Trần Mỹ D, sinh ngày 23/8/2008 và Trần Kim A, sinh ngày 31/8/2015. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Thiên B và Trần Kim A, anh Trần Văn P trực tiếp nuôi cháu Trần Mỹ D vì cháu D có nguyện vọng sống với anh P. Anh P không đồng ý và có yêu cầu trực tiếp nuôi cả 03 con chung.

Về tài chung và nợ chung: Chị N và anh P trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 40/2018/HNGĐ – ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 đã tuyên:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tế Thị Hồng N và anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Chị Tế Thị Hồng N trực tiếp nuôi con chung Trần Thiên B, sinh ngày 19/5/2006 và Trần Kim A, sinh ngày 31/8/2015; anh Trần Văn P trực tiếp nuôi con chung Trần Mỹ D, sinh ngày 23/8/2008; không ai phải cấp dưỡng nuôi con do anh P và chị N đều không có yêu cầu. Buộc anh Trần Văn P có nghĩa vụ giao con chung Trần Thiên B và Trần Kim A cho chị Tế Thị Hồng N trực tiếp nuôi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc các

nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/6/2018 anh Trần Văn P kháng cáo, yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 19/5/2006; Trần Mỹ D, sinh ngày 23/8/2008 và Trần Kim A, sinh ngày 31/8/2015, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Chị N không đồng ý kháng cáo của anh P, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: trong quá trình tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: hiện tại cháu Trần Kim A, sinh ngày 31/8/2015 đang sinh sống với cha nên để ổn định cuộc sống cho cháu A cần để cháu tiếp tục cho anh P nuôi dưỡng, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của anh P, sửa bản án sơ thẩm, anh P được trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 23/8/2008 và Trần Kim A, sinh ngày 31/8/2015, chị N trực tiếp nuôi cháu Trần Thiên B, sinh ngày 19/5/2006.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: chị Tế Thị Hồng N và anh Trần Văn P thuận tình ly hôn nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Tại biên bản lấy ý kiến con ngày 20/4/2018, cháu Trần Thiên B có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Tại biên bản lấy ý kiến con ngày 20/4/2018, cháu Trần Mỹ D có nguyện vọng sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, cháu B đã 12 tuổi, cháu D đã 10 tuổi, cả hai cháu đều đủ tuổi để xem xét nguyện vọng của con khi cha mẹ ly hôn theo quy định của pháp luật nên chị N được trực tiếp nuôi cháu B và anh P trực tiếp nuôi cháu D là phù hợp. Đối với cháu Trần Kim A, sinh ngày 31/8/2015, tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì cháu A được 33 tháng 23 ngày tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi, được giao trực tiếp cho mẹ nuôi dưỡng, trừ trường hợp mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Anh P và chị N không thỏa thuận được việc nuôi dưỡng

cháu A, chị N cũng có đủ điều kiện về vật chất và môi trường sinh sống để trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Anh P cũng không có chứng cứ chứng minh chị N không đảm bảo điều kiện nuôi con. Nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Toàn bộ kháng cáo của anh P là không có cơ sở nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Trần Văn P phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn P.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 40/2018/HNGĐ – ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tế Thị Hồng N và anh Trần Văn P.

2. Về con chung chung: Chị Tế Thị Hồng N trực tiếp nuôi con chung Trần Thiên B, sinh ngày 19/5/2006 và Trần Kim A, sinh ngày 31/8/2015; anh Trần Văn P trực tiếp nuôi con chung Trần Mỹ D, sinh ngày 23/8/2008; không ai phải cấp dưỡng nuôi con do anh P và chị N đều không có yêu cầu. Buộc anh Trần Văn P có nghĩa vụ giao con chung Trần Thiên B và Trần Kim A cho chị Tế Thị Hồng N trực tiếp nuôi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai

được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc các nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh P trình bày không có nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tế Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009225 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Về án phí phúc thẩm: Anh Trần Văn P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009386 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Tư